

Số: 526/BC-UBND

Chí Minh, ngày 02 tháng 10 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả triển khai thực hiện Chiến dịch 90 ngày làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa dữ liệu các cơ sở dữ liệu chuyên ngành y tế

Thực hiện Công văn số 6471/SYT-VP ngày 29/9/2026 của Sở Y tế tỉnh Hưng Yên về việc báo cáo triển khai thực hiện Chiến dịch 90 ngày làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa dữ liệu; UBND xã Chí Minh báo cáo kết quả thực hiện đến hết ngày 30/9/2026 như sau:

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

UBND xã Chí Minh đã tổ chức rà soát, đối chiếu và cập nhật dữ liệu thuộc các cơ sở dữ liệu chuyên ngành y tế theo phạm vi được giao; phân công cán bộ phụ trách phối hợp với các cơ quan, đơn vị chuyên môn có liên quan để kiểm tra, làm sạch và chuẩn hóa thông tin.

Quá trình thực hiện tập trung vào việc rà soát số lượng bản ghi, đối chiếu thông tin, xử lý dữ liệu chưa đầy đủ hoặc chưa đồng bộ, bảo đảm dữ liệu được cập nhật theo yêu cầu của từng hệ thống chuyên ngành. Kết quả được tổng hợp theo từng cơ sở dữ liệu, làm cơ sở báo cáo Sở Y tế.

Số liệu trong báo cáo được chốt đến hết ngày 30/9/2026 theo yêu cầu tại Công văn số 6471/SYT-VP ngày 29/9/2026 của Sở Y tế.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Theo phụ lục kèm theo, UBND xã Chí Minh đã rà soát 12 cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi báo cáo, với tổng số 24.346 bản ghi phải rà soát; đã rà soát 24.344 bản ghi, đã làm sạch 24.344 bản ghi và đã chuẩn hóa 24.344 bản ghi, đạt tỷ lệ hoàn thành chung khoảng 99,99%.

Trong đó, 10/12 cơ sở dữ liệu hoàn thành 100%; 01 cơ sở dữ liệu về lĩnh vực sức khỏe bà mẹ, trẻ em/sức khỏe sinh sản đạt 98,18%, còn 02 bản ghi cần xử lý; cơ sở dữ liệu khám bệnh, chữa bệnh (bệnh án điện tử) tại Trạm Y tế xã không phát sinh dữ liệu theo mẫu phụ lục.

Đối với 02 trường hợp còn tồn tại trong hệ thống thông tin lĩnh vực sức khỏe bà mẹ, trẻ em/sức khỏe sinh sản, qua rà soát xác định đây là 02 đối tượng ở địa phương khác; hồ sơ đã được rà soát và chuyển về địa phương khác để tiếp tục xử lý theo thẩm quyền.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Nhìn chung, việc triển khai Chiến dịch 90 ngày tại xã Chí Minh được thực hiện nghiêm túc, đúng phạm vi và thời gian yêu cầu. Các cơ sở dữ liệu được rà soát, làm sạch và chuẩn hóa cơ bản đầy đủ; phần lớn dữ liệu đã được xử lý hoàn thành, phục vụ yêu cầu quản lý, khai thác và đồng bộ dữ liệu chuyên ngành.

Kết quả rà soát cho thấy dữ liệu thuộc các lĩnh vực nhân lực y tế, môi trường cơ sở y tế, trợ giúp xã hội, người khuyết tật, người làm công tác xã hội, dự phòng/HIV/AIDS, tiêm chủng, quản lý trẻ em và an toàn thực phẩm đã hoàn thành theo số liệu tổng hợp. Riêng dữ liệu sức khỏe bà mẹ, trẻ em/sức khỏe sinh sản còn 02 bản ghi thuộc địa phương khác và đã thực hiện rà soát, chuyển xử lý.

UBND xã tiếp tục chịu trách nhiệm phối hợp cập nhật, điều chỉnh khi có phát sinh thay đổi hoặc khi cơ quan chuyên môn yêu cầu bổ sung, đồng bộ dữ liệu.

IV. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

1. Một số dữ liệu chuyên ngành có liên quan đến đối tượng cư trú, quản lý tại địa phương khác nên việc xác minh, điều chỉnh và chuyển xử lý cần có sự phối hợp giữa các địa phương và đơn vị quản lý hệ thống.

2. Dữ liệu được quản lý trên nhiều hệ thống chuyên ngành khác nhau, yêu cầu cán bộ thực hiện phải đối chiếu giữa hồ sơ thực tế và dữ liệu trên phần mềm; việc cập nhật, đồng bộ có thể phụ thuộc vào chức năng và dữ liệu dùng chung của từng hệ thống.

3. Một số trường thông tin cần được kiểm tra, đối chiếu với hồ sơ gốc hoặc thông tin dân cư trước khi chuẩn hóa nhằm hạn chế sai lệch, trùng lặp và bảo đảm tính chính xác của dữ liệu.

4. Khối lượng dữ liệu cần rà soát tương đối lớn, trong khi cán bộ thực hiện đồng thời đảm nhiệm nhiều nhiệm vụ chuyên môn; do đó việc rà soát, kiểm tra lại và cập nhật các trường hợp phát sinh cần được thực hiện thường xuyên.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị Sở Y tế và các đơn vị chủ trì cơ sở dữ liệu tiếp tục hướng dẫn, hỗ trợ địa phương trong việc xử lý các trường hợp dữ liệu liên quan đến địa phương khác, dữ liệu chưa đồng bộ hoặc cần điều chỉnh trên hệ thống chuyên ngành.

2. Đề nghị các đơn vị quản trị, vận hành phần mềm tiếp tục hoàn thiện chức năng đồng bộ, đối chiếu và cảnh báo dữ liệu trùng lặp, thiếu hoặc sai lệch, tạo thuận lợi cho cấp xã trong quá trình cập nhật và khai thác.

3. UBND xã Chí Minh tiếp tục phối hợp rà soát, cập nhật và xử lý kịp thời các dữ liệu phát sinh, bảo đảm dữ liệu chuyên ngành y tế được duy trì theo yêu cầu đúng, đủ, sạch, sống.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

UBND xã Chí Minh giao bộ phận chuyên môn tiếp tục theo dõi các dữ liệu đã báo cáo, phối hợp với các cơ quan, đơn vị chủ trì cơ sở dữ liệu để xử lý các nội dung còn tồn tại; đồng thời thực hiện cập nhật, điều chỉnh khi có biến động phát sinh.

Trên đây là Báo cáo kết quả triển khai thực hiện Chiến dịch 90 ngày làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa dữ liệu các cơ sở dữ liệu chuyên ngành y tế trên địa bàn xã Chí Minh, số liệu tính đến hết ngày 30/9/2026. UBND xã Chí Minh báo cáo Sở Y tế tổng hợp, theo dõi./. *Th*

Nơi nhận:

- Sở Y tế tỉnh Hưng Yên;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND xã;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND xã;
- Phòng Văn hóa - Xã hội;
- Lưu: VT, VHXH. *S*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CHÍ MINH
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
Thời gian ký: 02/10/2026 14:17:28

Đặng Quang Trung

MẪU PHỤ LỤC
BÁO CÁO TIẾN ĐỘ LÀM SẠCH, LÀM GIÀU, CHUẨN HÓA DỮ LIỆU KBCB
(Kèm theo Báo cáo số.....Ngày.... tháng năm 2026 của UBND xã Chí Minh)

STT	Xã/phường/đơn vị	KBCB (Bệnh án điện tử)			Tồn tại/vướng mắc
		Tổng số	Bệnh án Nội trú	Ngoại trú	
1	Trạm y tế xã Xã Chí Minh	0	0	0	0

MẪU PHỤ LỤC
BÁO CÁO TIẾN ĐỘ LÀM SẠCH, LÀM GIÀU, CHUẨN HÓA 11 CSDL DỮ LIỆU CÒN LẠI
(Kèm theo Báo cáo số.....Ngày.... tháng năm 2026 của UBND xã Chí Minh)

STT	Cơ sở dữ liệu	Đơn vị/ xã	Tổng số bản ghi phải rà soát	Đã rà soát	Đã làm sạch	Đã chuẩn hóa	Tỷ lệ hoàn thành (%)	Số xã/ phường hoàn thành (%)	Số xã/ phường chưa hoàn thành (%)	Khó khăn vướng mắc
1	CSDL về nhân lực y tế	Xã Chí Minh	37	37	37	37	100			
2	CSDL môi trường cơ sở y tế	Xã Chí Minh	1	1	1	1	100			
3	CSDL cơ sở trợ giúp xã hội	Xã Chí Minh	0	0	0	0	0			Xã không có CSDL
4	CSDL đối tượng trợ giúp xã hội	Xã Chí Minh	2004	2004	2004	2004	100			
5	CSDL người khuyết tật	Xã Chí Minh	519	519	519	519	100			
6	CSDL người làm công tác xã hội	Xã Chí Minh	4	4	4	4	100			
7	CSDL lĩnh vực dự phòng, HIV/AIDS	Xã Chí Minh	27	27	27	27	100			
8	Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia	Xã Chí Minh	13635	13635	13635	13635	100			
9	Hệ thống thông tin lĩnh vực sức khỏe bà mẹ trẻ em/sức khỏe sinh sản	Xã Chí Minh	111	109	109	109	98.18			2 đối tượng ở địa

										phương khác, đã rà soát hồ sơ, chuyên về địa phương khác
10	CSDL quản lý trẻ em	Xã Chí Minh	7810	7810	7810	7810	100			
11	CSDL về an toàn thực phẩm	Xã Chí Minh	198	198	198	198	100			Đã nhập phần mềm V20

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THEO 12 CƠ SỞ DỮ LIỆU

(Kèm theo Báo cáo số.....Ngày.... tháng năm 2026 của UBND xã Chí Minh)

STT	Cơ sở dữ liệu	Đơn vị chủ trì	Tổng số bản ghi phải rà soát	Đã rà soát	Đã làm sạch	Đã chuẩn hóa	Tỷ lệ hoàn thành (%)	Số xã/ phường hoàn thành (%)	Số xã/ phường chưa hoàn thành (%)	Khó khăn vướng mắc
1	CSDL lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh	Văn phòng Sở Y tế								
2	CSDL về nhân lực y tế	Phòng Tổ chức cán bộ								
3	CSDL môi trường cơ sở y tế	Phòng Kế hoạch tài chính								
4	CSDL cơ sở trợ giúp xã hội	Phòng Bảo trợ xã hội và Phòng chống tệ nạn xã hội								
5	CSDL đối tượng trợ giúp xã hội	Phòng Bảo trợ xã hội và Phòng chống tệ nạn xã hội								
6	CSDL người khuyết tật	Phòng Bảo trợ								

		xã hội và Phòng chống tệ nạn xã hội								
7	CSDL người làm công tác xã hội	Phòng Bảo trợ xã hội và Phòng chống tệ nạn xã hội								
8	CSDL lĩnh vực dự phòng, HIV/AIDS	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật								
9	Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật								
10	Hệ thống thông tin lĩnh vực sức khỏe bà mẹ trẻ em/sức khỏe sinh sản	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật								
11	CSDL quản lý trẻ em	Chi cục Dân số và Trẻ em								
12	CSDL về an toàn thực phẩm	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm								